

Số: 20 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của nước ta và nhiều quốc gia trên thế giới. Kinh tế, thương mại toàn cầu có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc; tiềm ẩn rủi ro về giá cả, lạm phát, tài chính, ảnh hưởng đến triển vọng đầu tư, sản xuất, xuất nhập khẩu. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội ổn định, niềm tin của nhân dân tăng lên. Kinh tế phát triển và hội nhập sâu rộng. Tuy nhiên, chúng ta đối mặt nhiều khó khăn, thách thức nhất là tác động nặng nề của đại dịch, một số tồn tại, hạn chế còn chậm được khắc phục, nhiều vấn đề về xã hội, môi trường ... đòi hỏi sớm phải xử lý, giải quyết.

Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2022, dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2022-2024 như sau:

A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2022

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2021.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2020.

c) Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH theo số liệu quy mô kinh tế đã được đánh giá lại.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021; dự báo những tình hình trong nước, khu vực, thế giới có ảnh hưởng lớn đến phát triển KTXH của đất nước; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2022 phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030, Phương hướng phát triển KTXH 2021-2025.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển KTXH.

Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được xây dựng dựa trên số liệu quy mô kinh tế đã được đánh giá lại.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2022

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2021, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2021 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2021), những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Cụ thể:

a) Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 91-KL/TW ngày 22/10/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 124/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2021. Trong đó, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

b) Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen, ảnh hưởng, tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ... Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa là thời cơ, vừa là thách thức.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,... Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế do chưa hoặc chậm được khắc phục cũng như về già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,...

Trong bối cảnh đó, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2022 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn, gồm:

- Thực hiện bằng được “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế. Quyết tâm triển khai các biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả. Phấn đấu tiêm vắc-xin để đạt miễn dịch cộng đồng vào đầu năm 2022.

- Kế thừa và phát huy những kết quả công tác, khí thế thời gian qua; không chủ quan, tự mãn với thành tích đã đạt được; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Tiếp tục xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất, liêm chính, dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; bám sát thực tiễn, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các Nghị quyết, quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 và 5 năm 2021-2025. Chú trọng kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Đẩy mạnh việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng các giải pháp phù hợp; chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Quan tâm hơn nữa đến công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng

thành quả phát triển KTXH của đất nước. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; giữ vững độc lập, chủ quyền; tiếp tục xây dựng và gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2022-2024

I. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

Các bộ, ngành trung ương, địa phương tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

1. Về dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2022 phải được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Trong bối cảnh vẫn còn đối mặt nhiều rủi ro, khó khăn trong năm 2021, cần tiếp tục tập trung phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2021 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2022. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2022 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bình quân cả nước tăng khoảng 6-8% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2022 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2021.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); thu từ chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch

vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp hiện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo để tổng hợp dự toán khoản thu từ chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn, đơn vị sự nghiệp công lập, thu chuyển nhượng vốn nhà nước và thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp hiện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2022 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mỗi khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Quán triệt quan điểm triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển lên khoảng 28-29% tổng chi NSNN, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ. Ưu tiên và tập trung nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và kết quả thực hiện các chính sách, nhiệm vụ trong năm 2021, khả năng triển khai thực hiện năm 2022 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) so với dự toán năm 2021, trên cơ sở hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định, tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực

sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị..., tăng chi từ nguồn thu sự nghiệp công; dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, thực hiện chuẩn nghèo, chi trợ cấp xã hội.

b) Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương xây dựng dự toán chi NSNN giai đoạn 2022-2025 giảm tối thiểu 15% so với dự toán chi NSNN giai đoạn 2017-2021, dự toán chi năm 2022 giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách; các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016 – 2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước đang áp dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Điều 5 Luật NSNN, hoặc phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền: Yêu cầu báo cáo đầy đủ nguồn thu - nhiệm vụ chi trong năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, làm cơ sở để tổ chức thực hiện. Đối với năm 2022, mức bố trí dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù căn cứ quy định về cơ chế tài chính, đánh giá tình hình thực hiện dự toán năm 2021 và yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 15% chi thường xuyên (ngoài quỹ lương và các khoản chi cho con người).

d) Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

đ) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia:

Các bộ, cơ quan trung ương được giao chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Dự toán chi ngân sách năm 2022 của từng chương trình bố trí căn cứ theo phê duyệt tại Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022 và tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

Đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu trước đây, trường hợp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục

thực hiện trong năm 2022, các bộ, cơ quan trung ương thực hiện trong nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị mình và lập dự toán, tổng hợp chung vào dự toán chi thường xuyên năm 2022.

e) Cùng với việc lập, tổng hợp báo cáo dự toán khoản thu ngân sách từ xử lý tài sản công, thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu từ chuyển đổi sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn, đơn vị sự nghiệp công lập, thu chuyển nhượng vốn nhà nước và thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp hiện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (nếu có); cơ quan, đơn vị được giao quản lý thực hiện tổng hợp báo cáo dự toán chi ngân sách đầu tư, thường xuyên các nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền từ các nguồn thu này theo quy định.

Trường hợp dự toán chi lớn hơn số thu được từ việc xử lý tài sản công, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tổng hợp, báo cáo dự toán chi phần còn thiếu cùng dự toán NSNN năm 2022, chi tiết số thu, nhu cầu chi cho từng nhiệm vụ theo quy định.

g) Dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công:

Các bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên và một phần thu sự nghiệp theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Riêng các cơ quan, đơn vị hành chính ở Trung ương đang áp dụng cơ chế đặc thù theo phê duyệt của cấp thẩm quyền tự cân đối nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, NSNN không hỗ trợ thêm.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, trong đó phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), trong đó: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) và nguồn cải cách tiền lương lũy kế đến hết năm 2021 chuyển sang để thực hiện (bao gồm nguồn 70% tăng thu thực hiện của NSDP năm 2021 chưa sử dụng hết - nếu có); sử dụng một phần nguồn thu của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

3. Về xây dựng dự toán ngân sách địa phương (NSDP)

Năm 2022 là năm đầu tiên của thời kỳ ổn định ngân sách mới 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội, căn cứ vào mức chi cân đối NSDP tính theo

nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 và chi đầu tư giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng hệ thống định mức phân bổ NSDP năm 2022, tỷ lệ điều tiết nguồn thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho chính quyền cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm 1, 2 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP các cấp năm 2022 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2021 trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2022 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế...

b) Dự toán chi NSDP:

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP năm 2022; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2022 của địa phương; các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành theo thẩm quyền, các địa phương xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

d) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của NSDP:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2022; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2022-2024

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN năm 2022:

1. Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển KTXH trên địa bàn, các địa phương xây dựng các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2022-2024 về thu ngân sách; mức bội thu/bội chi của NSDP; dự kiến tổng chi NSDP, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên phần cân đối NSDP giai đoạn 2022-2024 phù hợp với khả năng cân đối thu NSDP; trong đó: chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành tới thời điểm dự toán năm 2022 được cấp có thẩm quyền thông qua; chi đầu tư phát triển từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết bố trí bằng số thu.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2022

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ việc xây dựng Kế hoạch KTXH năm 2022, xây dựng Đề cương báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022" của cả nước, phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong tháng 6 năm 2021.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2022, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022" trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2021, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), Tổng cục Thống kê tính toán, cung cấp số liệu chính thức cho các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2022.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

Đối với chỉ tiêu GRDP, các địa phương sử dụng số liệu chính thức của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2021 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2022.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2022 cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2022-2024

1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2022, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch đầu tư công năm 2022.

2. Bộ Tài chính xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 trình cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiến độ, căn cứ pháp lý để xây dựng dự toán năm 2022.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định biên chế năm 2022 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý trước thời điểm báo cáo Chính phủ về dự toán NSNN năm 2022; chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2022 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2022.

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII, tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2021, kế hoạch năm 2022 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2023-2024, tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2022 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 theo quy định.

4. Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội phù hợp với điều kiện thực tế, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hoàn thiện thủ tục, trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; dự kiến lộ trình thực hiện các nhiệm vụ, dự án và nguồn lực đối với từng chương trình trong năm 2022 và cả giai đoạn 2021-2025; chi tiết kinh phí đầu tư, thường xuyên, cơ chế phân cấp thực hiện, phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương làm cơ sở để bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022.

6. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương:

a) Các bộ, cơ quan trung ương:

- Rà soát các chính sách, chế độ thuộc các chương trình mục tiêu trước đây không được tích hợp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, cần thiết phải tiếp tục thực hiện trong năm 2022, chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên, tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên năm 2022 của cơ quan mình.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi quy định các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ NSNN đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII).

- Lập dự toán NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của bộ, cơ quan trung ương.

b) Các địa phương hướng dẫn và chỉ đạo việc lập dự toán NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024 và Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của địa phương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTgCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH. 232

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái

Phụ lục
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2021
VÀ DỰ KIẾN NĂM 2022¹

(Kèm theo Chỉ thị số 20 /CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021			DỰ KIẾN NĂM 2022	CƠ QUAN BÁO CÁO
			MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 3.700				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	Khoảng 45-47				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	Khoảng 4,8				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 66				Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Khoảng 25,5				
7	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Điểm %	1 - 1,5				Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 91				Bộ Y tế
9	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	Trên 90				Bộ Xây dựng
10	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	Trên 87				Bộ Tài nguyên và Môi trường
11	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 91				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Khoảng 42				Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung... ²						

¹ Theo các Kết luận của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết của quốc hội khóa XIV.

² Nêu rõ mục tiêu đề ra và văn bản giao mục tiêu.